

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-10-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Nguyễn Tấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1982, “có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn C, sinh năm 1973, “có mặt”.

Cùng địa chỉ: Ấp TL, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2018 và bản tự khai - nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Bùi Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng cất nhà ra riêng trên đất của cha mẹ chị T cho chị T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C thường xuyên say rượu, không chịu đi làm lo

cho gia đình. Nhiều lần anh C uống rượu say về dọa giết chị T và các con. Vợ chồng ly thân gần 01 năm nay mặc dù vẫn sống chung nhà. Từ khi ly thân chị và anh C không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Lê Minh N, sinh năm 27-7-2002 và Bùi Lê Minh H, sinh ngày 24-11-2004. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C. Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn C trình bày:

Anh xác nhận anh và chị T chung sống vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 02 con chung, nợ chung không có. Tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà tường cấp 4, đã tô ngang 7,5m dài 24,5m xây trên phần đất do ông Lê Văn Đ (cha vợ) cho chị T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vào đầu năm 2018, anh bị tai nạn giao thông, không làm ra được nhiều tiền phụ chị T nuôi con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không có ly thân. Nay anh yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ con. Nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C.

Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn và Huệ cho chị T tiếp tục nuôi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên uống rượu say, không chịu đi làm

lo cho gia đình, có lần anh C uống rượu say về dọa giết chị và các con. Mâu thuẫn giữa chị và anh C đã kéo dài gần 04 năm nay, vợ chồng ly thân gần 01 năm nay. Anh C cho rằng vợ chồng chỉ mới phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2018 đến nay, nguyên nhân do anh bị tai nạn giao thông, không kiếm được nhiều tiền phụ chị T nuôi con như trước nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có ly thân. Nay chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh C yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương vợ. Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh C thấy rằng, anh C cho rằng vợ chồng chỉ mới phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2018 đến nay, do anh bị tai nạn không kiếm được nhiều tiền phụ chị T nuôi con, vợ chồng không có ly thân. Chị T cho rằng anh C thường xuyên uống rượu, không lo làm phụ chị nuôi con, vợ chồng ly thân khoảng 01 năm nay. Qua xác minh chính quyền địa phương thể hiện: anh C có uống rượu nhưng không thường xuyên. Ngoài ra, tại phiên tòa chị T thừa nhận anh C vẫn đi làm hàng tháng vẫn đưa tiền cho chị lo chi phí sinh hoạt gia đình. Từ khi sống chung đến nay, anh C không có hành động nào đánh chị và các con chung. Mặt khác, chị T và anh C vẫn còn sống chung một nhà. Vợ chồng vẫn còn sinh hoạt gia đình chung. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung còn có thể kéo dài; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim T đối với anh Bùi Văn C.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016355 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trăng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trăng Bàng;
- UBND xã Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm